

Số: 17/2023/QĐST-HNGĐ

Đắk Hà, ngày 28 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 2, xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Anh Trần Bá P, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đắk Mar, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 56; 81; 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Bá P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Bá P xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hai đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Bá Khánh, sinh ngày 11/4/2017 và Trần Ngọc Thùy Dương, sinh ngày 08/3/2021. Khi ly hôn anh, chị thống nhất thoả thuận. Giao cháu Trần Bá Khánh cho anh Trần Bá P trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi và

sống tự lập được. Giao cháu Trần Ngọc Thuỳ Dương cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Thuỳ Dương đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh P, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Thuận tình ly hôn là **150.000** đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Chị Nguyễn Thị H thỏa thuận chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H đã nộp là **300.000** đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0001798 ngày 11/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **150.000** đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) cho chị Nguyễn Thị H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga